



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : _____ Yes, _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH KIM TRIEU
Last Middle First

Current Address 1/174 Hiep Thanh - Van Co - Long An

Date of Birth 03-28-1943 Place of Birth Long An

Previous Occupation (before 1975) Captain & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5-24-75 To 10-25-1985

3. SPONSOR'S NAME: HUYNH THI DUC HANH
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN THI DAO	08.19.1944	wife
HUYNH KIM HAI	07.03.1964	son
HUYNH KIM SON	10.03.1965	son
HUYNH THI NGOC HA	03.03.1968	daughter
HUYNH KIM LAN	07.15.1970	son
HUYNH THI NGOC THUY	09.28.1972	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

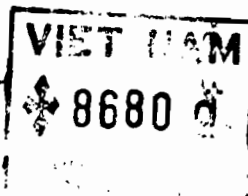
6. ADDITIONAL INFORMATION :

From Huỳnh Kim Triều

220/1 Lê Văn Sỹ,

Quận 3 TP Hồ Chí Minh

PAR AVION



NOV 24 1988

To:

Khúc Minh Th3

P.O Box 5435

Arlington Va 22205-0635

USA



PAR AVION AIR MAIL

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

IV- N^o

Date :

TO : Mr BRUCE A. BRARASLEY
DIRECTOR OF ODP OFFICE
PANJABHUM BUILDING
127 South Sathern Tai Road
BANGKOK 10120 THAILAND

A- BASIC IDENTIFICATION DATA :

- 1) Name : HUYNH-KIM-TRIEU
- 2) Date of birth : 28 - 3 - 1943
Place of Birth : LONGAN Province
- 3) Residence address : 1/174 Hiệp-Thạnh village
Vam-Co District - Long-An Province
- 4) Mailing Address : 220/I Lê-văn-Sỹ Street - 3rd District
HOCHIMINH CITY
- 5) Current occupation : Farmer

B- RELATIVE TO ACCOMPANY ME :

N ^o	NAME	DATE OF BIRTH	Place of Birth	SEX	MS	RELATIONSHIP
1	PHAN-THI-ĐÀO	19.8.1944	Định Tường	Female	M	Wife
2	HUYNH KIM HẢI	3.7.1964	Long An	Male	S	Son
3	HUYNH KIM SƠN	3.10.1965	Phan Thiết	Male	S	Son
4	HUYNH THI NGOC HẢI	3.3.1968	Phan Thiết	Female	S	Daughter
5	HUYNH KIM LÂM	15.7.1970	Long An	Male	S	Son
6	HUYNH THI NGOC THUY	28.9.1972	Định Tường	Female	S	Daughter

C- RELATIVES Outside VIETNAM : (Of Myself)

Closest Relative in the U.S

- a) Name : HUYNH THI DUC HANH
- b) Relationship : my uncle's Daughter
- c) Address : 3443 Leeland Houston JX 77003
- d) Date of Relative arrival in the U.S : 1982

D- COMPLETE FAMILY LISTING : (Living-Dead)

- 1) Father : HUYNH KIM THÀNH 1907 Long An (Dead)
- 2) Mother : NGUYỄN THI BA 1911 Long An (Living)
- 3) Spouse : PHAN THI ĐÀO 1944 Long An (Living)
- 4) Children :
 - 1) Huynh Kim Hải 1964 Long An (Living)
 - 2) HUYNH KIM SƠN 1965 Long An (Living)
 - 3) HUYNH THI NGOC HẢI 1968 Long An (Living)
 - 4) HUYNH KIM LÂM 1970 Long An (Living)
 - 5) HUYNH THI NGOC THUY 1972 Long An (Living)

E- SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE:

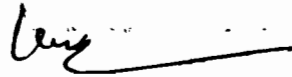
- 1) Name of person Service : Serial Number
HUYNH KIM TRIEU : 43/144969
- 2) Date : From : 7- Sep 1962 TO 30 April 1965
- 3) Military Unit : Định Tường Sector
- 4) Last rank title : Captain Battalion Commander
- 5) Name of Supervisor/CO : Colonel CHUNG VAN BÔNG

F- RE-EDUCATION OF YOU :

- 1) Name of person in Re-education: HUYNH KIM TRIEU
- 2) Date : From 24 may 1975 TO. 25 OCT 1985
- 3) Time in Re-education camps : Mỹ Tho Camp from 24 may 1975 TO 6 june 1975 Cao Lãnh Camp from 7 june 1975 TO 2 June 1976. Chi Lăng camp 2 june 1976 To 23 june 1976 Yên Bái Can fom 3 july 1976 To 20 june 1979. 3rd Camp from 22 june 1979 To 31 jan 1981. Gia Trung Camp From 2 jan 1981 To 24 OCT 1985.

Signature

Date : 8 Oct 1988



ENCLOSED DOCUMENTS :

- Our photo 4. x 6 (1)
- My Certificate of birth (1)
- My Wife s certificate of birth (1)
- Our certificate of marriage (1)
- my photocopy of returning from re-education camp (1)
- Our Children's certificate of birth (5)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

TỈNH Long-An

QUẬN: Bình-Phước

XÃ: Hiệp-Thạnh

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Số hiệu : 8

Tên, họ người chồng **HUỲNH-KIM-TRIỆU**

nghề-nghiep **Học Sinh**

sinh ngày **Hai mươi ba** năm **1.943**

tại **Hiệp - Thạnh**

cư-sở tại

tạm-trú tại **Hiệp - Thạnh**

Tên, họ cha chồng **Huỳnh-kim-Thành (s)**

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng **Nguyễn-thị-Bà (s)**

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ **PHAN-THỊ-DỎ**

nghề-nghiep **Học sinh**

sinh ngày **mười chín** năm **1.944**

tại **Tân-Bình-Thạnh**

cư-sở tại

tạm trú tại **Hiệp - Thạnh**

Tên, họ cha vợ **Phan-văn-Trưởng (s)**

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ **Võ-thị-Dận**

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới **Hai mươi sáu tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba** giờ.

— Vợ chồng khai cơ hay không lập hôn-kê

ngày tháng năm

tại

Trích y bản chính

Hiệp-Thạnh ngày **27** tháng **6** năm **1.963**

Viên chức Hộ tịch.

LÊ-VĂN-THIỆU

HIỆP-THẠNH ngày 27.6.1963

KIỂM-THI:

Đại-Diện Xã:

H.V.Tài-Chánh:

H.V.Cảnh-Sát:

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Viêt-nam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

LONG AN

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Hiệp-Thạnh (Tân-an)

(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-nam)

NĂM 1943
(Année)

SỐ HIỆU 28
(Acte No)



Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Huỳnh kim Triều
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Trai
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	Le 28 Mars 1943
Sinh tại chỗ nào. (lieu de naissance)	Hiệp-Thạnh
Tên, họ cha. (Nom et prénom du père)	Huỳnh kim Thành
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Hiệp-Thạnh
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn thị Ba
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Hiệp-Thạnh
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, **Lê Văn Tuấn**
(Nous)

Chánh-án Tòa **LONG AN**
(Président du Tribunal)

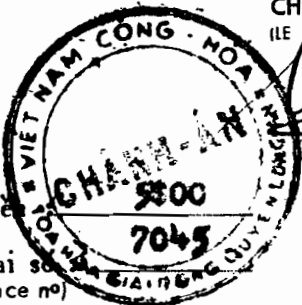
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông **Đào kiến Sang**
(M.)

Chánh Lục-Sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal.)

LONG AN, ngày **31/ 7/ 1964**

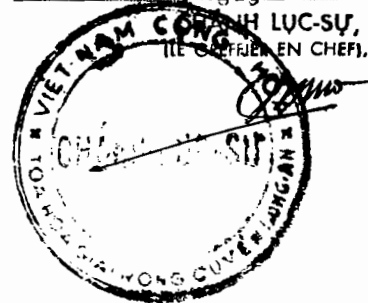
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)



Giá tiền
(Coût)
Biên-lai số
(Quittance no)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

LONG AN, ngày **31/ 7/ 1964**



PHÒNG LỤC-SỰ TÒA ~~SƠ-THẨM~~ Định-Tường

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH làng Tân-Bình-Thạnh,
(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Mỹtho

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1944
(Année)

SỐ HIỆU 59
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Phan-thị-Đào,
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	con gái,
Sanh ngày nào (Date de naissance)	ngày mười chín AOUT 1944,
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	làng Tân-Bình-Thạnh,
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phan-văn-Trương,
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	làm ruộng,
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	làng Tân-Bình-Thạnh,
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Võ-thị-Dậu,
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	làm ruộng,
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	làng Tân-Bình-Thạnh,
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	vợ thứ,

Chúng tôi, Lê-Iuân-Kính
(Nous)
Chánh-án Tòa ~~sơ thẩm~~ Định-Tường
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Lê-văn-Cánh,
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Mỹtho, ngày 21-6-1962
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

Mỹtho, ngày 21-6-1962
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

Giá tiền : 5000

(Coût)

Biên-lai số : 10.498

(Quittance n°)



VIỆT-NAM CỘNG HÒA

TỈNH Long-An
QUẬN Bình-Phước
XÃ Bình-Lập

BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1964

Số hiệu 1420

Tên, họ đứa trẻ :	<u>HUYỀN-KIM-NHÌ</u>
Nam hay Nữ :	<u>Nam</u>
Sanh ngày tháng năm :	<u>14 tháng bảy năm 1964</u>
Tại :	<u>Bình-Lập (Long-An)</u>
Tên họ Cha :	<u>HUYỀN-KIM-TRƯỜNG</u>
Tuổi :	<u>21</u>
Nghề nghiệp :	<u>Quân nhân</u>
Cư trú tại :	<u>Bình-Lập</u>
Tên, họ Mẹ :	<u>PHẠM-THỊ-DỎ</u>
Tuổi :	<u>20</u>
Nghề nghiệp :	<u>Hội trợ</u>
Cư trú tại :	<u>Bình-Lập</u>
Vợ chánh hay thứ :	<u>Vợ chánh</u>

Chứng chỉ ký của UBND xã này
ngày 19-6-72



Trần-văn-Khánh

Trích y bản chánh

Bình-Lập ngày 19 tháng 6 năm 1972
VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

Trần-văn-Sỹ

KHAI-SANH

Nhà in VUI-VUI - PhanThiet

Tên, họ đs-nhi: HUYNH - KIM - SON
 Phái: (Nam hay nữ) NAM
 Sinh: Mừng ba tháng Mười Năm một ngàn
 (Ngày, tháng, năm) chín trăm sáu mươi lăm (03-10-65)
 Tại: Phũ-Trinh, Phan-Thiết
 Cha: HUYNH - KIM - TRIEU
 (Tên, họ) 22 Tuổi
 Tuổi: 22 Tuổi
 Nghề: Quân-Nhân
 Cư-trú tại: KBC : 6079
 Mẹ: PHAN - THI - ĐÀO
 (Tên, họ) 21 Tuổi
 Tuổi: 21 Tuổi
 Nghề: Nội-Trợ
 Cư-trú tại: Bình-Hung, Phan-Thiết
 Vợ: Vợ Chánh
 (Chánh hay thó)
 Người khai: HUYNH - KIM - TRIEU
 (Tên, họ) 22 Tuổi
 Tuổi: 22 Tuổi
 Nghề: Quân-Nhân
 Cư-trú tại: KBC : 6079
 Ngày khai: 04 - 10 - 1965
 Người chứng thứ nhứt: NGUYEN - ĐUC - HANH
 (Tên, họ) 25 Tuổi
 Tuổi: 25 Tuổi
 Nghề: Quân-Nhân
 Cư-trú tại: KBC : 6079
 Người chứng thứ nhì: NGUYEN - VAN - TAM
 (Tên, họ) 26 Tuổi
 Tuổi: 26 Tuổi
 Nghề: Quân-Nhân
 Cư-trú tại: KBC : 6079

Lập tại xã Phan-Thiết, ngày 04 tháng 10 Năm 1965
 Người khai, Hộ lại,

HUYNH-KIM-TRIEU

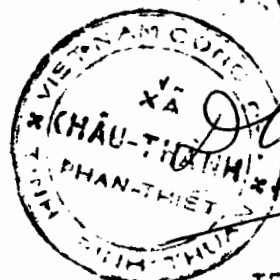
Nhân-chứng:

Người chứng thứ nhứt,

NGUYEN-ĐUC-HANH

Người chứng thứ nhì,

NGUYEN-VAN-TAM



TRUONG-THUAT

KHAI - SANH

Nhà In Ngọc - Dân - Phan Thiết

Tên họ ấu nhi : **HUỖNH - THỊ - NGỌC - HẢI**
 Phái (Nam hay Nữ) **NỮ**
 Sinh : **Ngày Mồng ba tháng ba năm một ngàn chín**
 (Ngày tháng năm) **trăm sáu mươi tám (03 - 3 - 1968).**
 Tại : **Ấp Đức-Nghĩa Xã Chầu-Thành Phan-Thiết**
 Cha : **Huỳnh - Kim - Triều**
 (Tên họ)
 Tuổi : **25 tuổi**
 Nghề : **Quản-nhân**
 Cư trú tại : **KBC : 4524**
 Mẹ : **Phan - thị - Đào**
 (Tên họ)
 Tuổi : **24 tuổi**
 Nghề : **Nội-trợ**
 Cư trú tại : **Số 7 Cu-Iá Sĩ Quan Tiểu-Khu Bình-Thuận**
 Vợ : **Vợ Chánh**
 (Chánh hay thứ)
 Người khai : **Huỳnh - Kim - Triều**
 (Tên họ)
 Tuổi : **25 tuổi**
 Nghề : **Quản-nhân**
 Cư trú tại : **KBC : 4524**
 Ngày khai : **Mười ba tháng ba năm một ngàn chín trăm**
sáu mươi tám (13 - 3 - 1968)
 Người chứng thứ nhất : **Nguyễn - Tấn - Hải**
 (Tên họ)
 Tuổi : **35 tuổi**
 Nghề : **Quản-nhân**
 Cư trú tại : **KBC : 4524**
 Người chứng thứ nhì : **Nguyễn - Ngự**
 (Tên họ)
 Tuổi : **36 tuổi**
 Nghề : **Quản-nhân**
 Cư trú tại : **KBC : 4524**

NHẬN - THU

Chữ ký của ông chủ tịch UBND

Xã Chầu-Thành Phan-Thiết nay đây

HÀM-THUẬN

QUẢN-TRƯỞNG

HUYỄN-KIM-TRIỆU

CHỦ TỊCH UBND

Lập tại Xã

Chầu-Thành Ph. Thiết

Người khai

HUYỄN-KIM-TRIỆU

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

ngày

Chầu-Thành Ph. Thiết

Hộ lại

HUYỄN-KIM-TRIỆU

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

CHỦ TỊCH UBND

13 - 3 - 1968

Nhơn chứng

Người chứng thứ nhất,

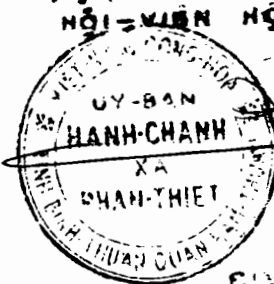
NGUYỄN-TẤN-HẢI

Người chứng thứ nhì,

NGUYỄN-NGUY



CÁI-NGOC-QUANG



CÁI-NGOC-QUANG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH LONG AN
QUẬN BÌNH PHƯỚC
XÃ HIỆP THÀNH

BỒN TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Năm 1970

Số hiệu 77

Chứng thực người có ý kiến: Thư

Tên, họ của trẻ: Huỳnh kim Lâm

Giới tính: Nam

Sinh ngày tháng năm: Ngày mười lăm tháng bảy năm
mot ngà chín trăm bảy mươi
(15/7/1970)

Tại: Hiệp-Thành

Tên họ Cha: Huỳnh-kim-Triều

Tuổi: hai mươi bảy

Nghề nghiệp: Quan lỵ an

Cư trú tại: K.B.C 4828

Tên, họ Mẹ: Phan thị Đào

Tuổi: hai mươi sáu

Nghề nghiệp: Nội Tro

Cư trú tại: Hiệp-Thành

Vợ chánh hay thứ: Chánh

Hiệp-Thành, ngày 31/7/70

Kiến thi:

Chứng thực chủ ký của

Ủy-Viên-Chức Hộ-Tịch./-

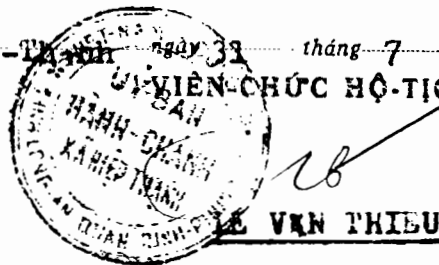
Trưởng

ỦY-BAN HÀNH-CHÁNH XÃ HIỆP THÀNH

LE-VAN-HAI

Trích y bản chánh

Hiệp-Thành ngày 31 tháng 7 năm 1970



NAM-PHÂN
THỊ-XÃ MỸ-THO
TÒA THỊ-CHÍNH
Số hiệu: 5210

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
HỘ TỊCH VIỆT-NAM
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
NĂM 1972 Thị-Xã Mỹ tho

Tên, họ đứa con nít	Huỳnh-thị Ngọc-Thủy
Nam hay nữ	Nữ
Sanh ngày nào	Ngày hai mươi tám tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
Sanh tại chỗ nào	Bảo sanh Phạm-thị-Sâm số 5/2 Ngô-tùng-Châu Mỹ tho.
Tên họ người cha	Huỳnh-Kim-Triều
Làm nghề-nghiệp gì.	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu	Thị-Xã Mỹ tho
Tên họ người mẹ	Phạm-thị-Đào
Làm nghề-nghiệp gì.	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu	Thị-Xã Mỹ tho
Vợ chánh hay vợ thứ.	Vợ chánh

